Ký bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn
Tỉnh Bắc Kạn
0ubnd@backan.gov.vn
Giờ ký: 2017.12.25 10:53:17 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2196/QĐ-UBND	*Bắc Kạn, ngày 25 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thanh Bình, tỉnh Bắc Kạn - Giai đoạn II

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 02/10/2015 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết điều chỉnh, mở rộng xây dựng Khu công nghiệp Thanh Bình, tỉnh Bắc Kạn - Giai đoạn II;

Căn cứ Quyết định số 1061/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật KCN Thanh Bình, tỉnh Bắc Kạn - Giai đoạn II;

Căn cứ Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn thành lập Trung tâm Phát triển hạ tầng và dịch vụ Khu công nghiệp trực thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Văn bản số 503/HTKT-HT ngày 19/10/2016 của Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định dự án xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật KCN Thanh Bình, tỉnh Bắc Kạn - Giai đoạn II;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1751/TTr-SXD ngày 20/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Thanh Bình, tỉnh Bắc Kạn - Giai đoạn II với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Dự án Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Thanh Bình, tỉnh Bắc Kạn - Giai đoạn II.

- Nhóm dự án: Dự án nhóm A

2. Chủ đầu tư: Trung tâm Phát triển hạ tầng và Dịch vụ khu công nghiệp - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bắc Kạn.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Hình thành một Khu công nghiệp mới với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, tạo ra quỹ đất với các điều kiện hạ tầng kỹ thuật phù hợp để xây dựng các nhà máy, xí nghiệp; tạo môi trường thuận lợi và có bước đột phá trong thu hút đầu tư phát triển ngành công nghiệp, phát huy được lợi thế và nguồn lực của tỉnh, nâng cao tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, tạo việc làm cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

Đầu tư xây dựng mới đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên tổng diện tích đất là 80,3ha, bao gồm các hạng mục: San nền; hệ thống giao thông nội bộ; hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống thu gom nước thải; hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng; hệ thống cây xanh và các công trình phụ trợ khác. Cụ thể như sau:

4.1. San nền:

- Cao độ khống chế san nền:

+ Cao độ san nền thấp nhất là: +78,25m.

+ Cao độ san nền cao nhất là: +157,5m.

- Vật liệu đắp nền tận dụng khối lượng đất đào; đối với nền đường trước khi đắp nền phải bóc lớp đất bùn, hữu cơ. Độ chặt đầm nén trong các lô yêu cầu K=0,9; đối với nền đường K=0,95.

- San nền thành từng cấp theo từng lô đất và địa hình hiện trạng, bao gồm 9 lô; độ dốc san nền trong mỗi cấp từ 0,25% đến 2,0%.

4.2. Hệ thống giao thông nội bộ:

Bao gồm các tuyến đường D3, N4, D4, N5; cao độ thiết kế đường căn cứ vào cao độ tuyến đường nội bộ giai đoạn I (đường N2 và N3), đường Đông Sông Cầu và quy hoạch chi tiết KCN Thanh Bình giai đoạn II.

Phương án thiết kế các tuyến đường như sau:

- Quy mô mặt cắt ngang:

+ Mặt cắt 1 - 1 (các tuyến D3, N4): Lộ giới 23,25m. Trong đó: Mặt đường 11,25m (dốc ngang 2 mái, độ dốc 2%), hè đường 6×2=12,0m, độ dốc 2%.

+ Mặt cắt 2 - 2 (các tuyến N5, D4): Lộ giới 19,50m. Trong đó: Mặt đường 7,5m (dốc ngang 2 mái, độ dốc 2%), hè đường 6×2=12,0m, độ dốc 2%.

- Kết cấu nền đường:

+ Nền đường đắp bằng đất đồi lấy từ khu vực đào, đầm nén đến độ chặt K≥0,95; lớp phía trên sát móng kết cấu áo đường dày 30cm đầm nén đến độ chặt K≥0,98.

+ Độ dốc taluy (đất) nền đào 1:1, nền đắp 1:1,5; tại những vị trí có taluy nền đào >6m ổn định mái dốc bằng biện pháp dật cấp, đỉnh mái taluy bố trí rãnh đỉnh; taluy nền đắp được gia cố chống xói bằng phương án kè mái đá hộc đối với đoạn qua suối, trồng cỏ lá tre.

- Loại mặt đường: Áo đường mềm loại cao cấp A1.

- Thông số tính toán: Mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{y/c}$=155Mpa; tải trọng trục 120kN; áp lực bánh xe lên mặt đường P=0,6Mpa; đường kính vệt bánh xe D=36cm.

- Kết cấu áo đường:

+ Bê tông nhựa chặt loại I và II dày 10cm.

+ Cấp phối đá dăm loại 1 dày 20cm.

+ Cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm.

+ Lớp đất đồi đầm nén K=0,98 dày 30cm.

- Kết cấu bó vỉa, vỉa hè, đan rãnh:

+ Bó vỉa dùng loại vỉa đứng có tiết diện 25x26x100cm bằng bê tông đúc sẵn mác 200.

+ Vỉa hè: Lát gạch block mỗi bên rộng 1,5m, diện tích còn lại để trồng cỏ và để bố trí các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khác. Kết cấu vỉa hè gồm lớp lát gạch block dày 6cm, lớp đệm cát vàng đầm chặt dày 10cm.

+ Đan rãnh: Đan rãnh dùng loại có kích thước 25x50x6 cm bằng bê tông đúc sẵn mác 200.

- Thiết kế hố trồng cây xanh trên vỉa hè: Vỉa hè trồng cây xanh bóng mát, khoảng cách trồng: 6m/cây, kích thước hố trồng cây 1,0x1,0m.

4.3. Hệ thống cấp nước và phòng cháy chữa cháy:

a) Nguồn nước: Phạm vi Khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn II chưa có hệ thống cấp nước. Hiện tại trong ranh giới khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn I đang có dự án xây dựng nhà máy cấp nước Thanh Bình với công suất 12.000m^3/ngày đêm đảm bảo cấp nước cho toàn bộ khu công nghiệp Thanh Bình cả 02 giai đoạn.

b) Mạng lưới đường ống cấp nước:

- Mạng lưới cấp nước của Khu công nghiệp là đường ống cấp nước kết hợp cấp nước sản xuất - sinh hoạt và chữa cháy và được thiết kế theo mạng vòng.

- Đường ống cấp nước đặt bên dưới vỉa hè, độ sâu đặt ống trung bình 0,7-1,0m tính đến đỉnh ống. Tại các góc chuyển và trị trí van, tê, cút có bố trí gối đỡ BTCT. Trên dọc tuyến ống xây dựng các hố cấp nước vào từng nhà máy bao gồm các van chặn và đồng hồ nước.

- Vật liệu ống sử dụng ống HDPE, trường hợp dùng vật liệu khác phải thay bằng ống có đường kính tương đương. Riêng đường ống trong trạm bơm dùng ống thép hàn, chịu áp.

- Cấp nước chữa cháy: Hệ thống cấp nước chữa cháy áp lực thấp, áp lực nước tối thiểu tại trụ cứu hoả là 10m; việc chữa cháy sẽ do xe cứu hoả của đội chữa cháy của khu công nghiệp thực hiện; nước cấp cho xe cứu hoả được lấy từ các trụ cứu hoả dọc đường; các trụ cứu hoả được bố trí dọc tuyến ống với cự ly từ 100-150m 1 trụ cứu hoả.

- Tại các nút của mạng lưới bố trí van khóa để có thể sửa chữa từng đoạn ống khi cần thiết.

4.4. Hệ thống thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa trong khu công nghiệp thiết kế theo chế độ tự chảy, độc lập với hệ thống thoát nước thải, được chia làm 2 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1: Khu vực phía Bắc của Khu công nghiệp hướng thoát nước chính là Bắc - Nam; nước mưa thu gom về rãnh trên đường N5 rồi xả vào suối Mu Tồ hiện có.

+ Lưu vực 2: Khu vực phía Nam của Khu công nghiệp hướng thoát nước chính là Đông - Tây; nước mưa thu gom về rãnh trên đường đổ vào rãnh B600 trên tuyến N2 của Khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn I.

- Mạng lưới đường ống thoát nước mưa bao gồm:

+ Dọc hai bên đường bố trí tuyến rãnh xây đá hộc vữa xi măng 100#, đậy tấm đan BTCT 200#; khẩu độ rãnh từ B600 đến B1200. Đoạn có độ dốc lớn tạo rãnh chuyển bậc tiêu năng để giảm vận tốc dòng chảy.

+ Trên các tuyến cống bố trí các hố ga thu nước cách nhau 30-50m để thu nước trên mặt đường. Các tuyến đường bố trí hai tuyến cống thoát chính ở hai bên hè đường.

+ Cống qua đường sử dụng cống hộp BTCT 300#, khẩu độ từ B800-B1200 lắp ghép.

+ Cửa xả tại suối Mu Tồ thiết kế xây đá hộc vữa xi măng 100# để đảm bảo chống xói lở, ổn định mái taluy; có bố trí các bậc tiêu năng, phía cuối cửa xả bố trí sân cửa xả, có chân khay đảm bảo xói lở.

4.5. Hệ thống thu gom nước thải:

a) Hệ thống thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế độc lập với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải trong các nhà máy, xí nghiệp phải được xử lý sơ bộ đạt tiêu

chuẩn không thấp hơn mức C theo QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp.

- Mạng lưới thoát nước thải dùng ống bê tông cốt thép đúc sẵn, đường kính ống thoát nước thải 30cm. Độ dốc đặt cống đảm bảo tốc độ chảy nhỏ nhất, không gây đóng cặn, tắc nghẽn trên cống Imin ≥ 1/D. Chiều sâu chôn cống là 0,9m tính tới đáy cống.

- Đường ống áp lực: Tuyến ống áp lực bố trí ống đi từ đoạn hố ga bơm chuyển bậc tới ga tiếp theo. Các ống áp lực sử dụng trong khu vực có đường kính D200, chôn sâu 1,0m.

- Hố ga thu kích thước 1000x1000mm có kết cấu xây bằng gạch đặc vữa xi măng 75#, đáy hố ga và tấm đan nắp đậy bằng BTCT 200#.

b) Nhà máy xử lý nước thải:

Hiện tại nhà máy xử lý nước thải khu công nghiệp Thanh Bình - giai đoạn I có công suất 2.500m^3/ngày đêm. Dự kiến khi lấp đầy toàn bộ diện tích đất công nghiệp giai đoạn I, lượng nước thải khoảng 1.000m^3/ngày đêm, còn dư khoảng 1.500m^3/ngày đêm. Do vậy để tiết kiệm kinh phí đầu tư, trước mắt giai đoạn 2016-2020 sử dụng nhà máy xử lý nước thải khu công nghiệp Thanh Bình - giai đoạn I, khi hết công suất sẽ nâng công suất đảm bảo xử lý.

4.6. Hệ thống cấp điện:

a) Nguồn điện: Lấy từ trạm 110kV đặt tại Khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn I vận hành ở lưới 22KV, trước mắt khi chưa đầu tư xong trạm 110kV sử dụng nguồn điện 35kV thuộc các lộ 373 và lộ 374 đang cấp cho Khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn I.

b) Mạng lưới điện và trạm biến áp:

- Trong khu công nghiệp thiết kế sử dụng tuyến đường dây trên không 22kV cấp điện đến các nhóm phụ tải. Tuyến đường dây trên không bố trí trên các cột đúc ly tâm bê tông cốt thép, móng bê tông đổ tại chỗ đặt trên vỉa hè. Cột đúc ly tâm bê tông cốt thép có chiều cao 20m, phía trên bố trí dây chống sét chạy dọc tuyến, khoảng cách các cột từ 50-100m.

- Tại các vị trí qua đường của tuyến giao thông chính, cáp sẽ được luồn trong ống nhựa chịu lực HDPE D160 hạ ngầm khi qua đường.

4.7. Hệ thống điện chiếu sáng:

- Các tuyến đường điện chiếu sáng trong khu công nghiệp được thiết kế đi ngầm trong hào cáp đào sâu 0,8m so với cốt vỉa hè; cáp hạ áp 0,6kV-CU/XLPE/DSTA/PVC đặt trong lớp cát đen đầm chặt dày 0,3m ở dưới cùng, bên trên đặt gạch chỉ bảo vệ cáp; lớp trên là đất mịn, ở độ sâu 0,2m bố trí lưới báo hiệu cáp. Tại các vị trí đoạn cáp qua đường hào cáp được đào sâu 1,0m.

- Sử dụng tủ điều khiển chiếu sáng chuyên dụng, tủ có thể điều khiển theo thời gian để cấp điện và chuyển chế độ vận hành cho đèn ở 2 mức công suất. Cáp nguồn từ tủ điều khiển ra tuyến đèn sử dụng mạng 3 pha/4 dây.

- Sử dụng đèn có chấn lưu 2 mức công suất (250W/150W) chuyên dùng cho thắp sáng nền đường.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát (địa hình, địa chất): Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và xây dựng Á Châu.

6. Tổ chức tư vấn lập Dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam (VCC).

- Chủ nhiệm lập dự án: KS. Nguyễn Hoài Đức.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Thanh Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

8. Diện tích sử dụng đất:

Dự án xây hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thanh Bình - Giai đoạn II, tỉnh Bắc Kạn có diện tích 80,3ha, có cơ cấu sử dụng đất như sau:

STT	**Loại đất**	**Diện tích** (ha)	**Tỷ lệ** (%)
1	Đất công nghiệp	53,256	66,32
2	Đất trung tâm, dịch vụ KCN	1,015	1,26
3	Đất giao thông	6,645	8,28
4	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	2,818	3,51
5	Đất cây xanh, ta luy	12,060	15,02
6	Đất dự trữ phát triển giao thông	4,506	5,61
	Tổng cộng	**80,300**	**100**

9. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

10. Số bước thiết kế: 02 bước.

11. Phương án xây dựng: Theo hồ sơ thiết kế cơ sở, phù hợp với chủ trương đầu tư và quy hoạch xây dựng.

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư:

- Tuân thủ theo các quy định hiện hành về công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; Quyết định phê duyệt phương án đền bù, giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Về việc tái định cư cho các hộ dân phải di dời: Toàn bộ các hộ dân thuộc diện giải phóng mặt bằng của dự án sẽ được tái định cư với đầy đủ các dịch vụ phụ trợ và được UBND huyện Chợ Mới phê duyệt quy hoạch chi tiết. Tổng số hộ dân thuộc diện phải di dời để xây dựng dự án là 72 hộ, khu tái định cho 72 hộ dân với quy mô khoảng 3,7ha đang được triển khai thực hiện.

13. Tổng mức đầu tư của dự án: 390.083.081.054 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm chín mươi tỷ, không trăm tám mươi ba triệu, không trăm tám mươi mốt nghìn, không trăm năm mươi bốn đồng).*

Trong đó:

- Chi phí Bồi thường hỗ trợ GPMB	68.481.290.400	đồng
- Chi phí xây dựng	262.350.457.029	đồng
- Chi phí thiết bị	6.252.400.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án	3.114.935.949	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	10.993.946.590	đồng
- Chi phí khác	13.927.883.963	đồng
- Chi phí dự phòng	24.962.167.123	đồng

14. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Trung ương hỗ trợ, vốn Ngân sách tỉnh và nguồn vốn hợp pháp khác.

15. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định hiện hành.

16. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2017-2020.

17. Thời hạn sử dụng công trình: 50 năm.

Điều 2. Trung tâm Phát triển hạ tầng và Dịch vụ khu công nghiệp - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bắc Kạn có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Trưởng ban Quản lý các Khu công nghiệp Bắc Kạn, Giám đốc Trung tâm Phát triển hạ tầng và Dịch vụ khu công nghiệp, Chủ tịch UBND huyện Chợ Mới và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (t/h);
- VP Chính phủ (b/c);
- Bộ KH&ĐT (b/c);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP (ô. Tuấn);
- Lưu: VT, XDCB (Huân).

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nông Văn Chí